

Bản án số: 145/2020/DS-PT
Ngày: 07 - 9 - 2020
V/v “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên Tòa: Bà Nguyễn Thị Nga
Các Thẩm phán: Ông Phạm Tiến Hiệp
Bà Đinh Thị Quý Chi

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa:*
Ông Cao Thanh Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử phúc thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 168/2020/TLPT-DS ngày 20/7/2020 về việc: “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2020/DS-ST ngày 02/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện Ch bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 173/2020/QĐ-PT ngày 10/8/2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Q, sinh năm 1958 (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Tổ 7, khu phố Trung Lợi, thị trấn Ch, huyện C, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

Ông Đỗ Văn Th, sinh năm 1962 (có mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp 1, xã Tr, huyện B, tỉnh Bình Dương.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Công D, sinh năm 1950 (vắng mặt)

Bà Trần Thị T, sinh năm 1952 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ cư trú: Tổ 7, khu phố Trung Lợi, thị trấn Ch, huyện C, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn:

- Ông Nguyễn Thiện Đ, sinh năm 1978 (có mặt)

Địa chỉ cư trú: Số 160/24/1, đường Ph, phường 2, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Chị Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1981 (có mặt)

- Chị Nguyễn Thị Bích L, sinh năm 1985 (có mặt)

Cùng địa chỉ cư trú: Tổ 7, khu phố Trung Lợi, thị trấn Ch, huyện C, tỉnh Bình Phước.

- Anh Trương Văn S, sinh năm 1979 (vắng mặt)

- Chị Trương Thị B, sinh năm 1991 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ cư trú: Tổ 7, khu phố Trung Lợi, thị trấn Ch, huyện C, tỉnh Bình Phước.

- Ủy ban nhân dân huyện Ch - Người đại diện theo ủy quyền: Ông Tạ Hữu D – phó chủ tịch UBND huyện. (có đơn xin vắng mặt)

4. Người kháng cáo: Nguyên đơn Bà Lê Thị Q .

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Bà Lê Thị Q là chủ sử dụng đất đối với thửa đất có diện tích 6651.2 m², tọa lạc tại khu phố Trung Lợi, thị trấn Ch, huyện C, tỉnh Bình Phước, thửa đất số: 9, tờ bản đồ số: 8, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AO 639092, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: H 04135, do UBND huyện Ch cấp ngày 15/01/2009, mang tên hộ Bà Lê Thị Q, ông Trương Văn Tr . Giáp ranh với thửa đất của bà Q về phía Bắc là thửa đất có diện tích 8105.8 m², tọa lạc tại khu phố Trung Lợi, thị trấn Ch, huyện C, tỉnh Bình Phước, thửa đất số: 16, tờ bản đồ số: 8, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AO 573574, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: H - 03820, do UBND huyện Ch cấp ngày 15/01/2009 mang tên hộ Ông Nguyễn Công D , Bà Trần Thị T . Nguồn gốc đất của bà Q là do bà Q nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn T vào khoảng năm 1986. Năm 2015 ông D, bà T xây dựng hàng rào bằng cột gỗ và lưới B40 đã lấn chiếm qua thửa đất của bà Q phần đất có diện tích 265.0 m² phần đất này nằm trong tổng diện tích 6651.2 m², thửa đất số: 9, tờ bản đồ số: 8 nói trên. Giữa bà Q và ông D , bà T đã nhiều lần hòa giải cũng như yêu cầu chính quyền địa phương hòa giải nhưng không có kết quả. Về ranh giới đất thì bà Q xác định ranh giới đất giữa ông D , bà T và bà Q là một con mương, trên phần đất của bà Q có các loại cây xoài, cây mít, cây cao su là cây mọc tự nhiên trên phần đất của bà Q nhưng hiện nay ông D , bà T quản lý. Về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là đúng pháp luật, sau khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không có ai khiếu nại gì về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ủy ban nhân dân huyện Ch . Ranh đất của bà Q được cấp giáp ranh đất ông D, bà T là một con đường thẳng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt quyền sử dụng đất là QSDĐ) nhưng trên thực tế bị ông D, bà T lấn chiếm và trở thành đường ranh cong. Do đó, bà Q khởi kiện ông D, bà T yêu cầu Tòa án buộc ông D, bà T có nghĩa vụ trả cho bà Q phần diện tích đất đã lấn

chiếm là 265.0 m². Bà Q không yêu cầu về tài sản gắn liền với đất. Ngoài ra, nguyên đơn không có yêu cầu nào khác.

Trong quá trình giải quyết bị đơn Ông Nguyễn Công D , Bà Trần Thị T , người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Ông Nguyễn Thiện Đ trình bày:

Ông D , bà T là chủ sử dụng đất đối với thửa đất có diện tích 8105.8 m², tọa lạc tại khu phố Trung Lợi, thị trấn Ch, huyện C, tỉnh Bình Phước, thửa đất số: 16, tờ bản đồ số: 8, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AO 573574, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: H - 03820, do UBND huyện Ch cấp ngày 15/01/2009, mang tên hộ Ông Nguyễn Công D , Bà Trần Thị T . Về hàng rào thì ranh giới đất được xác định bằng hàng rào cọc gỗ, dây thép gai từ năm 1981, khoảng năm 2009 thì ông D , bà T kéo hàng rào bằng lưới B40 thay cho dây thép gai theo trụ gỗ xác định ranh từ trước đó, khi ông D, bà T kéo lưới B40 thì bà Q không có ý kiến gì. Về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông D , bà T không biết là đường ranh như thế nào, sau khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không có khiếu nại gì về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ủy ban nhân dân huyện Ch. Đối với các tài sản trên đất là cây trồng là do ông D , bà T trồng từ năm 1979 và sử dụng cho đến nay. Khi cấp đổi giấy chứng nhận QSDĐ của bà Q từ năm 2007 sang năm 2009 có sai lệch về số liệu về chiều dài giáp ranh với ông D , bà T vì đường ranh đất cấp năm 2007 là đường thẳng gấp khúc nhưng đến năm 2009 là đường thẳng. Tuy nhiên chiều ngang phần đất giáp suối của bà Q thì hiện nay cũng tăng lên nên không có việc ông D , bà T lấn đất bà Quanh.

Trước yêu cầu của bà Q khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông D , bà T có nghĩa vụ trả cho bà Q phần diện tích đất đã lấn chiếm là 265.0 m² thì ông D , bà T không đồng ý. Ông D , bà T xác định đất giáp ranh với bà Q hai bên đã xây hàng rào có cây xoài là hàng ranh ổn định từ trước đến nay nên không có việc ông D , bà T lấn đất của bà Quanh.

Sau khi Tòa án giải quyết xong vụ án thì ông D , bà T yêu cầu Tòa án kiến nghị cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất của ông D , bà T và thửa đất của bà Q phù hợp với thực tế sử dụng.

Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND huyện Ch trình bày:

Thửa đất số: 9, tờ bản đồ số: 8, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AO 639092, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: H 04135, do UBND huyện Ch cấp ngày 15/01/2009, mang tên hộ Bà Lê Thị Q, ông Trương Văn Tr thì UBND huyện Ch cấp đúng trình tự thủ tục theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Chị Nguyễn Thị Kim L, Chị Nguyễn Thị Bích L thống nhất trình bày:

Chị Nguyễn Thị Kim L, Chị Nguyễn Thị Bích L thống nhất với toàn bộ ý kiến của người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Ông Nguyễn Thiện Đ trình bày như trên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Anh Trương Văn S , Chị Trương Thị B thống nhất trình bày:

Bà Lê Thị Q là mẹ ruột của Anh Trương Văn S , Chị Trương Thị B . Việc bà Q khởi kiện yêu cầu ông D , bà T trả lại phần đất đã bị lấn chiếm thì phần đất này là thuộc quyền sử dụng đất của bà Q không liên quan gì anh Sa, chị Bông nên không có ý kiến.

Người làm chứng ông Nguyễn Văn T trình bày:

Phần đất mà Bà Lê Thị Q tranh chấp với ông D bà T là của ông Tài trước đây nhận chuyển nhượng của bà Lê Thị Rồi. Đất này ông Tài chuyển nhượng cho bà Q khoảng năm 1985, đất này giáp ranh với ông D , bà T có cột mốc cây Xoài.

Người làm chứng ông Nguyễn Văn Vô trình bày:

Phần đất mà Bà Lê Thị Q tranh chấp với ông D bà T giữa hai bên có con mương nước, trên hàng ranh có trồng một số cây ăn trái và hàng rào lưới B40 và kẽm gai là do ông D , bà T xây dựng còn bà Q cắm trụ bê tông. Hàng ranh giữa hai bên gia đình là đường ranh cong chứ không phải đường ranh thẳng.

Người làm chứng bà Lê Thị Rồi trình bày:

Phần đất mà Bà Lê Thị Q tranh chấp với ông D bà T là trước đây gia đình tôi khai phá sau đó thì chuyển nhượng lại cho ông Tài. Đất này trước thì ranh đất là cây Điều nhưng hiện nay không còn.

Người làm chứng ông Nguyễn Thanh Đức, ông Nguyễn Hữu Việt và Nguyễn Văn Non thống nhất trình bày:

Phần đất mà Bà Lê Thị Q tranh chấp với ông D bà T thì giữa hai bên có làm rào và hàng rào này là do ông D , bà T thuê chúng tôi làm.là của ông Tài trước đây nhận chuyển nhượng của bà Lê Thị Rồi. Đất này ông Tài chuyển nhượng cho bà Q khoảng năm 1985, đất này giáp ranh với ông D , bà T có cột mốc cây Xoài

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2020/DS-ST ngày 02/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện Ch đã quyết định:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Lê Thị Q .

Kiến nghị UBND huyện Ch điều chỉnh lại diện tích đất 265,0m² từ giấy chứng nhận thửa đất số: 9, tờ bản đồ số: 8, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AO 639092, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: H 04135, do UBND huyện Ch cấp ngày 15/01/2009, mang tên hộ Bà Lê Thị Q , ông Trương Văn Tr sang thửa đất số 16, tờ bản đồ số: 8, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AO 573574, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: H - 03820, do UBND huyện Ch cấp ngày 15/01/2009hộ Ông Nguyễn Công D , Bà Trần Thị T . Theo sơ đồ đo đạc ngày 14/11/2019 của chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Ch , tỉnh Bình Phước (có sơ đồ kèm theo).

Hộ Bà Lê Thị Q , hộ Ông Nguyễn Công D , Bà Trần Thị T có trách nhiệm liên hệ đến cơ quan có thẩm quyền để đăng ký điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo trình tự thủ tục quy định của Luật đất đai thửa đất số: 9, tờ bản đồ số: 8, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AO 639092, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: H 04135, do UBND huyện Ch cấp ngày 15/01/2009, mang tên hộ Bà Lê Thị Q , ông Trương Văn Tr và thửa đất số: 16, tờ bản đồ số: 8, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AO 573574, số vào sổ cấp giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất số: H - 03820, do UBND huyện Ch cấp ngày 15/01/2009, mang tên hộ Ông Nguyễn Công D , Bà Trần Thị T để điều chỉnh theo sơ đồ đo đạc ngày 14/11/2019 của chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Ch , tỉnh Bình Phước (có sơ đồ kèm theo).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 12/6/2020, nguyên đơn Bà Lê Thị Q có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2020/DS-ST ngày 02/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện Ch .

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn sửa một phần nội dung kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật: Kể từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Với những chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308, Bộ luật tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Q giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 17/2020/DS-ST ngày 02/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện Ch , tỉnh Bình Phước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục kháng cáo:

Đơn kháng cáo của nguyên đơn Bà Lê Thị Q làm trong thời gian luật định, hình thức và nội dung phù hợp các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên cần xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Quạnh, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

Về tố tụng:

Đối với kháng cáo về việc bà Q là người cao tuổi được miễn án phí. Bà Quạnh sinh năm 1958 theo luật Người cao tuổi thì bà Quạnh là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định. Do vậy, cần sửa án sơ thẩm về phần án phí cho phù hợp.

Về nội dung:

Căn cứ Công văn số 330/UBND -NC ngày 15/5/2020 của UBND huyện Ch về trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất có diện

tích 10.281m² cấp GCNQSDĐ số AL 475528 cấp ngày 03/12/2007 cho hộ bà Lê Thị Quanh và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với thửa đất có diện tích là 26.954m² số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 01227 ngày 04/11/2003 cho hộ Ông Nguyễn Công D đúng trình tự, thủ tục.

Năm 2009, thửa đất thửa đất hộ bà Q được cấp đổi lại có diện tích 6651.2 m², thửa đất số: 9, tờ bản đồ số: 8, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AO 639092, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: H 04135, do UBND huyện Ch cấp ngày 15/01/2009, mang tên hộ Bà Lê Thị Q, ông Trương Văn Tr và phần ranh đất giáp với ông D, bà T là một đoạn thẳng chứ không phải là nhiều đoạn thẳng gấp khúc ghép lại. Việc cấp đổi giấy chứng nhận QSDĐ của hộ bà Q từ năm 2007 sang năm 2009 có sự sai lệch về diện tích tăng lên 1.015,2m² và phần ranh đất giáp với ông D, bà T thời điểm năm 2007 sang năm 2009 cũng có sự thay đổi từ đường ranh có nhiều đoạn thẳng ghép lại nay là một đoạn thẳng.

Năm 2009 thửa đất Ông Nguyễn Công D cấp đổi tổng diện tích là 8105.8m², diện tích giảm đi so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp lần đầu là 303,8m². Ranh đất tiếp giáp với hộ bà Q ông Tréo lúc này là 01 đường thẳng. Việc cấp đổi giấy chứng nhận QSDĐ của hộ ông D từ năm 2003 sang năm 2009 có sự sai lệch về diện tích là giảm 303,8m² và phần đường ranh đất giáp với bà Q thời điểm năm 2003 sang năm 2009 cũng có sự thay đổi từ đoạn có nhiều đoạn thẳng (đường gấp khúc) sang một đoạn thẳng.

Căn cứ kết quả xác minh, thẩm định, đo đạc của Tòa án cấp sơ thẩm thì hiện trạng đất ông D, bà T sử dụng không lấn sang cây Xoài. Giữa phần đất hai bên gia đình cũng có hàng ranh và xây dựng bờ rào sử dụng đã lâu. Ông D, bà T rào ranh đất bằng kẽm gai, lưới B40, cắm trụ cọc, bà Q cũng cắm ranh bằng trụ bê tông. Việc các bên cắm cột ranh đã lâu và cũng không ai có ý kiến gì. Hàng ranh đất giữa hai bên là đường có nhiều đoạn thẳng nối lại (đoạn gấp khúc) không phải là một đoạn đường thẳng như trong giấy chứng nhận QSDĐ. Phần đất bà Q yêu cầu ông D, bà T trả lại là diện tích nằm bên đất của ông D, bà T và có 02 cây tràm khoảng 20 năm tuổi, 01 cây dừa khoảng 40 năm tuổi, 02 cây xoài khoảng 40 năm tuổi, 01 cây mít khoảng 30 năm tuổi, 01 cây cao su khoảng 8 năm tuổi, 01 cây gõ khoảng 40 năm tuổi những cây này thuộc quyền sở hữu của ông D, bà T.

Căn cứ các lời khai của người làm chứng xác định ranh đất bà Quanh, ông D, bà T có làm hàng rào còn ông Tài là người chuyển nhượng đất cho bà Q cũng xác định ranh là cây xoài và phù hợp với lời khai của nguyên đơn, bị đơn nên lời khai của những người làm chứng không có cơ sở nên không được chấp nhận.

Mặc khác, khi bà Q nhận giấy chứng nhận QSDĐ thì bà Q biết ranh đất mình và gia đình ông D, bà T là đường gấp khúc nhưng khi cấp đổi giấy chứng nhận QSDĐ thì hình thể ranh đất trên GCNQSDĐ vào năm 2009 lại là đường thẳng nhưng bà cũng không có ý kiến và khiếu nại việc cấp giấy chứng nhận QSDĐ.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định ranh giới đất của hộ bà Q với ông D, bà T được xác định cột mốc là cây Xoài làm chuẩn hàng ranh, các bên đã cắm mốc sử dụng ổn định có hai hàng rào lưới B40 và kẽm gai cố định. Căn cứ vào Điều 175, 176 Bộ luật dân sự năm 2015 thì ranh giới đất của hai

bên xác định là từ năm 1986 nên lấy hàng ranh và diện tích đất thực tế sử dụng làm cơ sở cho việc sử dụng đất.

Ngoài ra, ranh đất thực tế các bên sử dụng phù hợp với giấy chứng nhận QSDĐ số AL 475528 ngày 27/9/2007 cấp cho hộ bà Quanh và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2003 của UBND huyện Ch cho hộ ông D , bà T đối với thửa đất có diện tích là 26.954m², số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01227 ngày 04/11/2003.

Do vậy, bà Q khởi kiện yêu cầu ông D , bà T trả lại phần diện tích đất 265,0m² lấn chiếm là không có căn cứ. Do đó, bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Q là có cơ sở. Do vậy, yêu cầu kháng cáo của bà Q cũng không được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[3] Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Q là người cao tuổi nên được miễn án phí.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn Bà Lê Thị Q .

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2020/DS-ST ngày 02/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện Ch , tỉnh Bình Phước đối với phần án phí dân sự sơ thẩm.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Lê Thị Q về việc buộc ông D , bà T có nghĩa vụ trả cho bà Q phần diện tích đất đã lấn chiếm là 265.0 m² tọa lạc tại khu phố Trung Lợi, thị trấn Ch, huyện C, tỉnh Bình Phước.

2. Kiến nghị UBND huyện Ch điều chỉnh lại diện tích đất 265,0m² từ giấy chứng nhận thửa đất số: 9, tờ bản đồ số: 8, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AO 639092, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: H 04135, do UBND huyện Ch cấp ngày 15/01/2009, mang tên hộ Bà Lê Thị Q , ông Trương Văn Tr sang thửa đất số 16, tờ bản đồ số: 8, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AO 573574, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: H - 03820, do UBND huyện Ch cấp ngày 15/01/2009 hộ Ông Nguyễn Công D , Bà Trần Thị T . Theo sơ đồ đo đạc ngày 14/11/2019 của chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Ch , tỉnh Bình Phước (có sơ đồ kèm theo).

3. Hộ Bà Lê Thị Q , hộ Ông Nguyễn Công D , Bà Trần Thị T có trách nhiệm liên hệ đến cơ quan có thẩm quyền để đăng ký điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo trình tự thủ tục quy định của Luật đất đai thửa đất số: 9, tờ bản đồ số: 8, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AO 639092, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: H 04135, do UBND huyện Ch cấp ngày 15/01/2009, mang tên hộ Bà Lê Thị Q , ông Trương Văn Tr và thửa đất số: 16, tờ bản đồ số: 8, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AO 573574, số vào sổ cấp giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất số: H - 03820, do UBND huyện Ch cấp ngày 15/01/2009, mang tên hộ Ông Nguyễn Công D , Bà Trần Thị T để điều chỉnh theo sơ đồ đo đạc ngày 14/11/2019 của chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Ch , tỉnh Bình Phước (có sơ đồ kèm theo).

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị Q được miễn. Hoàn trả cho bà Quanh số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí bà Quanh đã nộp theo biên lai thu tiền số 0003619 ngày 18/6/2019.

5. Chí phí thẩm định, định giá: Bà Lê Thị Q phải chịu là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) và chi phí đo đạc là 2.968.791 đồng (Hai triệu chín trăm sáu mươi tám ngàn bảy trăm chín mươi một đồng). Bà Q đã nộp đầy đủ.

6. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Lê Thị Q là người cao tuổi nên được miễn án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- Tòa án ND huyện C ;
- VKSND huyện C ;
- Chi Cục THADS huyện C ;
- Lưu hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thị Nga

